

Số: 2594/TTr-UBND

Gia lai, ngày 20 tháng 11 năm 2019

TỜ TRÌNH

Quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH GIA LAI	
Số:.....	5785
ĐẾN Ngày:.....	27/11/2019
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ Mười một

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết về việc quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố bị dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ, ngay từ những ngày đầu năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã khẩn trương chỉ đạo thực hiện công tác sắp xếp các thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo tiêu chuẩn quy định theo chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy và hướng dẫn của Bộ Nội vụ (trong đó, thôn, làng, buôn, bôn, plơi, plei,... gọi chung là thôn; tổ dân phố, khối phố, khu phố,... gọi chung là tổ dân phố. Đây là cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực xã, phường, thị trấn). Hiện đã thực hiện sắp xếp giảm được 534 thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh (năm 2018 giảm 488 thôn, tổ dân phố; Quý II/2019 giảm 46 thôn, tổ dân phố) và dự kiến Quý IV/2019 sẽ tiếp tục thực hiện sắp xếp giảm thêm 50 thôn, tổ dân phố. Kết thúc năm 2019, tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh sẽ còn 1.576 thôn, tổ dân phố, giảm 584 thôn, tổ dân phố so với trước năm 2018 (chiếm 27,04%).

Qua theo dõi, khảo sát và tiếp thu ý kiến, kiến nghị từ cơ sở trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố thì cần thiết nghiên cứu xây

dựng, ban hành chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố có liên quan (gồm: Phó bí thư Chi bộ; Phó trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ) bị dôi dư phải thôi việc do thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; qua đó ghi nhận công lao, đóng viên, khuyến khích đối với đội ngũ này trong quá trình tham gia xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở.

2. Triển khai thực hiện nhiệm vụ tại khoản 2, Mục II Kế hoạch số 120-KH/TU ngày 19/3/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, cụ thể: *“Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách phù hợp đối với những cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc diện phải sắp xếp, cơ cấu lại và tinh giản biên chế”*.

Căn cứ Kết luận số 532-KL/TU ngày 16/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thống nhất chủ trương ban hành Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2018 – 2021 như đề xuất tại Tờ trình số 199-TTr/BCSD ngày 06/11/2018 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và giao Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện.

Trên cơ sở Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính (quy định tại khoản 9, Điều 7) hướng dẫn các địa phương sử dụng phần kinh phí ngân sách nhà nước giảm chi do thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, cụ thể:

“Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đối với các địa phương, sử dụng phần kinh phí ngân sách nhà nước giảm chi do thực hiện Nghị quyết này theo nguyên tắc:

- 50% bổ sung vào nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở trong từng lĩnh vực chi tương ứng;

- 50% còn lại thực hiện chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương ứng. Việc quyết định chi cho từng nội dung do các địa phương quyết định theo đúng thẩm quyền quy định tại Luật ngân sách nhà nước.”

Như vậy, triển khai nhiệm vụ của Trung ương, của Tỉnh ủy giao và căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính thì việc xây dựng chính sách hỗ trợ đối với các trường hợp dôi dư phải thôi việc do sắp xếp thôn, tổ dân phố là đảm bảo cơ sở pháp lý từ nguồn kinh phí thực tế tiết kiệm được do sắp xếp giảm thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh và do địa phương quyết định theo thẩm quyền quy định.

Từ những cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết về việc quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích:

a) Thực hiện Kết luận số 532-KL/TU ngày 16/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và yêu cầu chính đáng, cần thiết từ cơ sở trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

b) Xây dựng chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh theo đúng nguyên tắc sử dụng kinh phí tiết kiệm quy định tại Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính.

2. Quan điểm xây dựng văn bản:

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết về quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai phải:

a) Bảo đảm quyền lợi chính đáng đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố bị dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố.

b) Xây dựng chính sách hỗ trợ đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và nguyên tắc sử dụng kinh phí tiết kiệm quy định tại Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Việc soạn thảo văn bản được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 do Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân công Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng dự thảo văn bản theo quy định.

2. Sở Nội vụ đã đăng tải lấy ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ theo thời gian quy định; gửi văn bản lấy ý kiến (kèm hồ sơ, dự thảo Nghị quyết) đến các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan gồm: các Sở ngành, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, 17 huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan đảng, đoàn thể (Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể tỉnh); đã tổ chức 07 cuộc họp lấy ý kiến gồm: 05 cuộc khảo sát, góp ý tại cấp huyện, cụ thể ở thành phố Pleiku (ngày 18/10/2019), các huyện: Đức Cơ (ngày 08/10/2019), Kbang (ngày 09/10/2019), Kông Chro (ngày 10/10/2019), Chư Păh (ngày 17/10/2019) và 02 cuộc ở cấp tỉnh, gồm: 01 cuộc họp với sự tham gia của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban

Dân vận Tỉnh ủy, UBMTTQVN tỉnh, các đoàn thể tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh (ngày 07/10/2019); 01 cuộc họp với 17 huyện, thị xã, thành phố và một số Sở, ngành tỉnh có liên quan (ngày 22/10/2019), qua đó lấy ý kiến, tiếp thu hoàn chỉnh hồ sơ, dự thảo Nghị quyết theo quy định.

3. Hồ sơ sau khi tiếp thu hoàn thiện đã được Sở Nội vụ gửi về Sở Tư pháp để thẩm định đối với dự thảo văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và được Sở Nội vụ hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình HĐND tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo văn bản được bố cục gồm 5 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố bị dôi dư do thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 5. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

Dự thảo văn bản xây dựng các nội dung về chính sách hỗ trợ một lần bằng tiền đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố bị dôi dư phải thôi việc do thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

V. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (gồm: Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận ở nơi có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP; hoặc Công an viên ở nơi không tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP) và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (gồm: Phó bí thư Chi bộ; Phó trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP về bảo vệ dân phố) bị dôi dư phải thôi việc do thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Các trường hợp đề nghị giải quyết chính sách được HĐND tỉnh quy định hưởng phụ cấp hoặc hỗ trợ hàng tháng từ ngân sách nhà nước theo quy định đối với những người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.
- Người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố.

VI. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Mục tiêu: Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố do bị dời do sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung của chính sách:

a. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ:

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố (gồm: Phó Bí thư Chi bộ; Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP về bảo vệ dân phố) bị dời do sắp xếp thôn, tổ dân phố theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai từ năm 2018 trở về sau.

b. Các đối tượng nêu tại Điểm a được hưởng chính sách hỗ trợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có thời gian giữ các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và các chức danh người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố từ đủ 12 tháng trở lên; trường hợp thời gian giữ các chức danh không liên tục thì được cộng dồn.

- Thôi việc do sắp xếp thôn, tổ dân phố và không được tiếp tục sắp xếp, bố trí giữ các chức danh khác được hưởng chế độ, chính sách hằng tháng từ ngân sách nhà nước.

c. Các mức hỗ trợ đề xuất cụ thể như sau:

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và các chức danh người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố có thời gian công tác (nếu không liên tục thì được cộng dồn): Từ đủ 12 tháng đến dưới 30 tháng, được hưởng bằng 01 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ. Đủ 30 tháng, được hưởng bằng 02 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ. Sau 30 tháng, cứ thêm đủ 01 năm công tác (12 tháng) được hưởng bằng 01 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ tương ứng của chức danh đảm nhiệm trước khi nghỉ việc, nhưng tổng chính sách hỗ trợ tối đa không quá 04 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ.

Trường hợp thời gian công tác tính hưởng chính sách hỗ trợ sau 30 tháng không đủ 01 năm công tác thì tính như sau: thời gian từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính bằng 01 năm công tác (hưởng 01 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ), từ đủ 06 tháng trở xuống được tính bằng 1/2 năm công tác (hưởng 1/2 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ).

Cụ thể có biểu tổng hợp dưới đây:

STT	Thời gian công tác	Mức hỗ trợ (Tính theo mức phụ cấp hàng tháng hoặc theo mức hỗ trợ hàng tháng)
1	Từ đủ 12 tháng đến dưới 30 tháng	01 tháng
2	Đủ 30 tháng	02 tháng
3	Từ trên 30 tháng đến đủ 36 tháng	2,5 tháng
4	Từ trên 36 tháng đến đủ 42 tháng	03 tháng
5	Từ trên 42 tháng đến đủ 48 tháng	3,5 tháng
6	Từ trên 48 tháng đến đủ 54 tháng	04 tháng
7	Từ trên 54 tháng trở lên	04 tháng (mức tối đa)

3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:

a. Giải pháp: Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố bị dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b. Giải trình nội dung đề xuất:

Chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố được xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương từ nguồn kinh phí tiết kiệm; gắn với cống hiến, thâm niên công tác của đội ngũ này; có đối chiếu tương quan với chính sách đề xuất đối với người không chuyên trách nghỉ việc ở cấp xã do sắp xếp, sáp nhập. Cụ thể như sau:

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố có thời gian làm việc dưới 12 tháng thì không đề xuất chính sách hỗ trợ do không đảm bảo thời gian cống hiến, đóng góp ở cơ sở đủ tối thiểu 01 năm.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố là chức danh theo nhiệm kỳ (như: chức danh bầu Bí thư, phó bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố; Trưởng, phó trưởng thôn, tổ dân phố...); riêng chức danh Công an viên ở thôn, ở tổ dân phố (nơi không tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố) không theo nhiệm kỳ. Để đảm bảo tương quan giữa các chức danh này, UBND tỉnh đề xuất mức khởi đầu từ đủ 12 tháng đến dưới 30 tháng, được hưởng bằng 01 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ (do công tác chưa trọn 01 nhiệm kỳ là 2,5 năm); nếu đủ 30 tháng, được hưởng bằng 02 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ (do công tác đủ 01 nhiệm kỳ 2,5 năm). Tương tự chính sách đề xuất đối với người không chuyên

trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; sau 30 tháng, cứ thêm đủ 01 năm công tác (12 tháng) được hỗ trợ bằng 01 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ. Trường hợp không đủ 01 năm công tác sau 30 tháng thì tính như sau: thời gian từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính tròn bằng 01 năm công tác (hưởng hỗ trợ 01 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ), từ đủ 06 tháng trở xuống được tính bằng 1/2 năm công tác (hưởng hỗ trợ 50% tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ).

Quy định như trên dựa trên thâm niên, cống hiến của người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; có tinh động viên, khuyến khích, ghi nhận công lao của những người có thời gian gắn bó, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội cũng như giữ vững an ninh, trật tự và an toàn xã hội ở cơ sở; qua đó góp phần giải quyết tâm tư, nguyện vọng chính đáng đối với đội ngũ này.

- Mức hỗ trợ tối đa đề xuất là 04 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ của chức danh đảm nhiệm trước khi thôi việc gắn với khả năng ngân sách chi trả từ nguồn kinh phí tiết kiệm do sắp xếp thôn, tổ dân phố. So sánh với chính sách đề xuất hỗ trợ trường hợp người không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính xã thì mức tối đa ở thôn, tổ dân phố là 04 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ, chiếm 50% so với mức tối đa 08 tháng phụ cấp ở cấp xã; lý do vì chức trách, nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã là phạm vi toàn xã, có nhiệm kỳ chức danh bầu là 05 năm (gấp 02 lần nhiệm kỳ chức danh bầu ở thôn, tổ dân phố).

- Việc quy định biên độ thời gian công tác để áp dụng chính sách hỗ trợ tại dự thảo Nghị quyết này có lợi cho những người có thời gian công tác ở thôn, tổ dân phố trong phạm vi 02 nhiệm kỳ trở xuống (trong vòng 05 năm công tác trở lại). Điều này phần nào không phản ánh tương xứng đối với những người có thâm niên công tác lâu năm ở thôn, tổ dân phố (có thời gian công tác lâu dài, trên 05 năm). Tuy nhiên, do khả năng ngân sách địa phương có hạn (Bộ Tài chính hướng dẫn chỉ được sử dụng 50% kinh phí tiết kiệm được do thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW để thực hiện chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương ứng); nên nếu xây dựng biên độ thời gian công tác kéo dài để tương xứng với những người có thâm niên lâu năm ở thôn, tổ dân phố (như 10 năm, 15 năm...) thì với mức tối đa (04 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ) sẽ dẫn đến số tiền thực nhận rất thấp so với quá trình công tác lâu dài; không hợp lý khi triển khai thực hiện.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách tiết kiệm do sắp xếp thôn, tổ dân phố.

2. Tổng kinh phí tiết kiệm do sắp xếp thôn, tổ dân phố trong giai đoạn 2018 – 2019 ước tính là 64.801.703.000 đồng (số liệu do 17 huyện, thị xã, thành phố dự toán khi xây dựng đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố)- *Có đính kèm Biểu tổng hợp số 1 về kinh phí tiết kiệm ước tính sau khi sắp xếp giảm thôn, tổ dân phố.* Tổng kinh phí ước tính tối đa để thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân

phổ giai đoạn 2018 – 2019 là 12.855.720.000 đồng- Có đính kèm Biểu tổng hợp số 2 về kinh phí ước tính thực hiện chính sách hỗ trợ. Căn cứ quy định tại Thông tư số 119/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thì đảm bảo nguồn lực, điều kiện thực hiện chính sách theo quy định.

Đối với các trường hợp dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố phát sinh thêm (từ sau năm 2019) thì nguồn kinh phí từ số tiền tiết kiệm do giảm thôn, tổ dân phố vẫn đảm bảo thực hiện được theo quy định của Dự thảo Nghị quyết này; cụ thể: mức tối đa thực hiện chính sách hỗ trợ là 04 tháng phụ cấp (hoặc hỗ trợ) cho 1 người trên tổng kinh phí dự toán chi sẽ tiết kiệm mỗi năm (12 tháng) cho 01 người/01 thôn, tổ dân phố bị giảm, gắn với nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương trong trung hạn theo quy định.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (kèm theo Tờ trình: Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; 02 biểu tổng hợp kinh phí văn bản thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp và dự thảo Nghị quyết).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- BTCTU, BDVTU;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành



BÁO CÁO

Đánh giá tác động chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố đôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Tờ trình số 2594/TTr-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách:

Ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã thông qua Nghị quyết số 18-NQ/TW “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; theo đó, yêu cầu các địa phương khẩn trương sắp xếp các thôn, tổ dân phố không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định (trong đó, thôn, làng, buôn, bôn, plei, plei,... gọi chung là thôn; tổ dân phố, khối phố, khu phố,... gọi chung là tổ dân phố. Đây là cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực xã, phường, thị trấn). Để triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thì Quốc hội, Chính phủ, Bộ Nội vụ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện. Thực hiện quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy; đầu năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai rà soát, đánh giá thực trạng tiêu chuẩn của các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; từ đó xác định, lập danh sách các thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện để thực hiện sắp xếp. Kết quả rà soát, đánh giá thì tính đến tháng 6/2018, trên địa bàn tỉnh Gia Lai có 1.694 thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo tiêu chuẩn quy định; trong đó: có 1.090 thôn, tổ dân phố thuộc diện đủ điều kiện sắp xếp trong giai đoạn 2018 – 2021 và 604 thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo tiêu chuẩn quy định nhưng thuộc diện đặc thù, không thực hiện sắp xếp.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách:

Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố đôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh. Đây là những người được HĐND tỉnh quy định hưởng phụ cấp, hỗ trợ hàng tháng từ ngân sách nhà nước đối với lực lượng không chuyên trách và có liên quan theo quy định.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Xác định vấn đề bắt cấp: Việc sắp xếp thôn, tổ dân phố gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí lại đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố nhằm đảm bảo số lượng theo đúng quy định sau khi sáp nhập. Do đó, sau khi tiến hành sắp xếp sẽ phát sinh các trường hợp đôi dư, không bố trí được công tác khác, phải thôi việc.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: Thực hiện chính sách hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố; tri ân, ghi nhận những đóng góp của lực lượng này đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố có thời gian công tác (nếu không liên tục thì được cộng dồn): Từ đủ 12 tháng đến dưới 30 tháng, được hưởng bằng 01 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ. Đủ 30 tháng, được hưởng bằng 02 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ. Sau 30 tháng, cứ thêm đủ 01 năm công tác (12 tháng) được hưởng bằng 01 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ tương ứng của chức danh đảm nhiệm trước khi nghỉ việc, nhưng tổng chính sách hỗ trợ tối đa không quá 04 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ. Trường hợp thời gian công tác tính hưởng chính sách hỗ trợ sau 30 tháng không đủ 01 năm công tác thì tính như sau: thời gian từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính bằng 01 năm công tác (hưởng 01 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ), từ đủ 06 tháng trở xuống được tính bằng 1/2 năm công tác (hưởng 1/2 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ).

4. Đánh giá tác động của giải pháp:

- Động viên, khuyến khích, ghi nhận cống hiến; qua đó góp phần tạo tâm lý phấn khởi trong đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố. Từ đó, tạo sự đồng thuận trong lực lượng này, cũng như tác động tích cực đến nhân dân trên địa bàn ủng hộ đối với chủ trương, quy định sắp xếp thôn, tổ dân phố của Đảng và nhà nước.

- Đảm bảo quyền lợi chính đáng đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố phải thôi việc do sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách được sử dụng từ nguồn kinh phí tiết kiệm do sắp xếp thôn, tổ dân phố, cụ thể:

+ Sau khi thực hiện sắp xếp giai đoạn 2018-2019, dự kiến sẽ giảm 584 thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh thì ước tính kinh phí tiết kiệm được do giảm chi cho hoạt động của các thôn, tổ dân phố khoảng 64.801.703.000 đồng/năm (gồm giảm chi phụ cấp, hỗ trợ hàng tháng cho những người hoạt động không chuyên trách, người tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố; giảm chi hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị-xã hội ở thôn, tổ dân phố)- *Có tổng hợp kinh phí ước tính tiết kiệm được sau khi sắp xếp thôn, tổ dân phố kèm theo Báo cáo này (số liệu do 17 huyện, thị xã, thành phố dự toán khi lập đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố).*

+ Kinh phí ước tính thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố dôi dư phải thôi việc trong giai đoạn 2018-2019 khoảng 12.855.720.000, có biểu tổng hợp dưới đây:

STT	Chức danh được hưởng chính sách hỗ trợ	Số lượng người hỗ trợ	Hệ số phụ cấp, hỗ trợ hàng tháng để tính chính	Mức hỗ trợ ước tính cho 01 người tại mỗi chức danh (ĐVT: đồng)	Tổng kinh phí ước tính thực hiện chính sách hỗ trợ (ĐVT: đồng)

			sách hỗ trợ		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố	584	0,75	4.470.000	2.610.480.000
2	Phó Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố	584	0,50	2.980.000	1.740.320.000
3	Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố	584	0,75	4.470.000	2.610.480.000
4	Phó trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố	584	0,50	2.980.000	1.740.320.000
5	Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn (ở nơi có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố)	66	0,75	4.470.000	295.020.000
6	Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn (ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố)	518	0,50	2.980.000	1.543.640.000
7	Công an viên (ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố)	518	0,75	4.470.000	2.315.460.000
Tổng cộng		3.438			12.855.720.000

Ghi chú:

+ Cột (1): Thống kê các chức danh người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố thuộc đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết.

+ Cột (2): Thống kê bao gồm 534 thôn, tổ dân phố đã giảm (tính từ năm 2018 đến quý II/2019) và dự kiến sẽ có thêm 50 thôn, tổ dân phố giảm tại kỳ họp tháng 12/2019 của HĐND tỉnh.

+ Cột (3): Mức phụ cấp hoặc hỗ trợ hằng tháng tương ứng với từng chức danh theo quy định của HĐND tỉnh.

+ Cột (4): Tính toán theo mức tối đa chi trả cho 01 người tại mỗi chức danh quy định = Mức lương cơ sở hiện tại (1.490.000 đồng) x 04 tháng phụ cấp hoặc hỗ trợ (mức tối đa cho 1 người) x Cột (3).

+ Cột (5): Tính toán mức tối đa chi trả cho số lượng người thôi việc của tổng số thôn, tổ dân phố bị giảm do sắp xếp = Cột (4) x Cột (2).

+ Đối với các trường hợp dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố phát sinh thêm (từ sau năm 2019) thì nguồn kinh phí từ số tiền tiết kiệm do giảm thôn, tổ dân phố vẫn đảm bảo thực hiện được theo quy định của Dự thảo Nghị quyết; cụ thể: mức tối đa thực hiện chính sách hỗ trợ là 04 tháng phụ cấp (hoặc hỗ trợ) cho 1 người trên tổng kinh phí dự toán chi sẽ tiết kiệm mỗi năm (12 tháng) cho 01 người/01

thôn, tổ dân phố bị giảm, gắn với nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương trong trung hạn theo quy định.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố đời do sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

III. Lấy ý kiến:

1. Việc soạn thảo văn bản được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 do Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân công Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng dự thảo văn bản theo quy định.

2. Sở Nội vụ đã đăng tải lấy ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ theo thời gian quy định; gửi văn bản lấy ý kiến (kèm dự thảo Nghị quyết, báo cáo đánh giá tác động) đến các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan gồm: các Sở ngành, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, 17 huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan đảng, đoàn thể (Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể tỉnh); đồng thời đã tổ chức 07 cuộc họp lấy ý kiến gồm: 05 cuộc khảo sát, góp ý tại cấp huyện, cụ thể ở thành phố Pleiku (ngày 18/10/2019), các huyện: Đức Cơ (ngày 08/10/2019), Kbang (ngày 09/10/2019), Kông Chro (ngày 10/10/2019), Chư Păh (ngày 17/10/2019) và 02 cuộc ở cấp tỉnh, gồm: 01 cuộc họp với sự tham gia của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, UBMTTQVN tỉnh, các đoàn thể tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh (ngày 07/10/2019); 01 cuộc họp với 17 huyện, thị xã, thành phố và một số Sở, ngành tỉnh có liên quan (ngày 22/10/2019), qua đó lấy ý kiến, tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, báo cáo tác động theo quy định.

Nhìn chung, hầu hết các ý kiến phản hồi bằng văn bản và tại cuộc họp lấy ý kiến trực tiếp đều thống nhất với chính sách hỗ trợ. Một số ý kiến đề nghị nâng mức hỗ trợ cho các trường hợp thôi việc và Sở Nội vụ đã có giải trình về hướng dẫn của Bộ Tài chính về nguồn kinh phí thực hiện; trên cơ sở đó các bên thống nhất với đề xuất chính sách là phù hợp với khả năng ngân sách địa phương tiết kiệm được do giảm thôn, tổ dân phố. Qua đó động viên, ghi nhận đóng góp của đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố.

3. Hồ sơ sau khi tiếp thu hoàn thiện đã được Sở Nội vụ gửi về Sở Tư pháp để thẩm định đối với dự thảo văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và được Sở Nội vụ hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình HĐND tỉnh.

IV. Giám sát và đánh giá:

Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thi hành chính sách sau khi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực thi hành. Các Ban Hội

đồng nhân dân tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố đôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
(kèm theo Tờ trình số: 2594/TT-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh)

Sở Nội Vụ đã gửi văn bản lấy ý kiến (kèm các dự thảo) đến các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan gồm: các Sở ngành, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, 17 huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan đảng, đoàn thể (Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể tỉnh); đã tổ chức 07 cuộc họp lấy ý kiến gồm: 05 cuộc khảo sát, góp ý tại cấp huyện, cụ thể ở thành phố Pleiku (ngày 18/10/2019), các huyện: Đức Cơ (ngày 08/10/2019), Kbang (ngày 09/10/2019), Kông Chro (ngày 10/10/2019), Chư Păh (ngày 17/10/2019) và 02 cuộc ở cấp tỉnh, gồm: 01 cuộc họp với sự tham gia của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, UBMTTQVN tỉnh, các đoàn thể tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh (ngày 07/10/2019); 01 cuộc họp với 17 huyện, thị xã, thành phố và một số Sở, ngành tỉnh có liên quan (ngày 22/10/2019); qua đó đã lấy ý kiến, tiếp thu hoàn chỉnh các dự thảo theo quy định. Nhìn chung, các văn bản tham gia ý kiến và góp ý tại các Hội nghị đều thống nhất với dự thảo Nghị quyết. Có một số ý kiến muốn nâng chính sách hỗ trợ cao hơn, nhưng vấn đề này phụ thuộc khả năng ngân sách của địa phương. Các ý kiến khác được tiếp thu, giải trình cụ thể dưới đây:

Điều/khoản	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
Điều 1	1. UBND thị xã An Khê 2. UBND huyện Đurc Cơ	Đề nghị quy định việc áp dụng chính sách hỗ trợ của Nghị quyết này đối với người hoạt động không chuyên trách và người được hỗ trợ phụ cấp hằng tháng ở thôn, tổ dân phố thời giữ chức danh do sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh về việc chia, nhập để thành lập và đặt tên mới thôn, tổ dân phố; đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa bổ sung vào dự thảo về các trường hợp được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về sắp xếp thôn, tổ dân phố từ năm 2018 trở về sau.
Điều 2	1. UBND thị xã An Khê	Đề nghị bổ sung quy định mức hỗ trợ đối với những người là Trưởng các tổ chức chính trị-xã hội ở thôn, tổ dân phố thời giữ chức danh do sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Quy định như dự thảo là phù hợp cho những người được HĐND tỉnh quy định hưởng phụ cấp, hỗ trợ hàng tháng từ ngân sách nhà nước đối với lực lượng không chuyên trách và người tham gia công việc của thôn, tổ dân phố có liên quan theo quy định.

			<p>Ngoài ra, người đứng đầu các tổ chức chính trị-xã hội ở thôn, tổ dân phố không thuộc đối tượng được hưởng phụ cấp, hỗ trợ hàng tháng. Các tổ chức chính trị-xã hội ở thôn, tổ dân phố chỉ được khoán kinh phí hỗ trợ hoạt động theo quy định.</p>
<p>Điều 3</p>	<p>1. UBND thị xã An Khê 2. Xã Đông, huyện Khang 3. UBND huyện Ia Grai 4. UBND huyện Mang Yang</p>	<p>1.1. Đề nghị quy định cụ thể tháng phụ cấp được hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách là mức phụ cấp được quy định tại điểm a, khoản 3 điều 1 quy định kèm theo Nghị quyết số 137/2015/NQ-HĐND hay là tháng phụ cấp được tính bằng tổng phụ cấp được hưởng theo quy định điểm a, điểm b và điểm d khoản 3 điều 1 quy định kèm theo Nghị quyết số 137/2015/NQ-HĐND.</p> <p>1.2. Đề nghị có chế độ, chính sách cho phù hợp, tăng mức hưởng chế độ hỗ trợ cho những người có thời gian công tác lâu năm từ 54 tháng trở lên (từ 02 nhiệm kỳ trở lên) vì trong thực tế tại xã có nhiều đồng chí đảm nhận công tác trưởng thôn từ 10 đến 15 năm liên tục.</p>	<p>1.1. Đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo theo mức chính sách cụ thể thực nhận hàng tháng (không tính kiêm nhiệm) cụ thể: “Mức hỗ trợ được tính theo mức phụ cấp hàng tháng đang được hưởng trước khi thời việc đối với người đang được hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; tính theo mức hỗ trợ hàng tháng đang được hưởng trước khi thời việc đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố” đề quy định chi tiết.</p> <p>1.2. Quy định như dự thảo là phù hợp khả năng ngân sách của địa phương; vì mức hỗ trợ tại dự thảo Nghị quyết được xây dựng dựa trên cân đối với nguồn ngân sách tiết kiệm được do sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố và đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 119/2018/TT-BCT ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính (theo đó chỉ được sử dụng 50% nguồn kinh phí tiết kiệm được để thực hiện chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành; bên cạnh việc sử dụng nguồn này để tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương ứng).</p> <p>1.3. Đã tiếp thu và chỉnh sửa vào Dự thảo.</p>
		<p>1.3. Đề nghị sửa đổi “<i>Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức</i></p>	

	<p><i>đánh thì chỉ tình chức danh có mức phụ cấp cao nhất” thành “đổi với chức danh kiêm nhiệm” vì quy định nguyên tắc kiêm nhiệm không quá 01 chức danh</i></p> <p><i>1.4. Đề nghị điều chỉnh “Cứ mỗi năm công tác thì được hưởng mức hỗ trợ một lần bằng một bằng một (01) tháng phụ cấp hiện hưởng”.</i></p> <p><i>1.5. Đề nghị bổ sung cụm từ “có đầy đủ các điều kiện sau” vào sau Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ.</i></p>	<p><i>1.4. Quy định như dự thảo là phù hợp; vì nếu quy định như đề nghị thì kinh phí dùng thực hiện chính sách hỗ trợ sẽ vượt quá nguồn kinh phí tiết kiệm được phép sử dụng theo nguyên tắc quy định tại Thông tư số 119/2018/TT-BCT ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính.</i></p> <p><i>1.5. Đã tiếp thu và chỉnh sửa vào Dự thảo.</i></p>
<p>Số lượng cơ quan, đơn vị, địa phương được gửi lấy ý kiến góp ý: 46</p> <p>Số lượng cơ quan, đơn vị góp ý bằng văn bản: 18; trong đó có: 09 cơ quan cấp tỉnh gồm: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở VH&TT&DL, Sở Y tế, Sở Công thương, Sở TT&TT, Sở KH&CN, Ban Dân tộc, Công an tỉnh; 04 huyện, thành phố: thành phố Pleiku, các huyện: Phú Thiện, Chư Sê, Chư Păh có ý kiến thống nhất với dự thảo; có 05 huyện, thị xã, xã: thị xã An Khê, các huyện: Mang Yang, Ia Grai, Đức Cơ, xã Đông thuộc huyện Kbang có ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung một số nội dung của dự thảo và đã tiếp thu, giải trình ở trên.</p> <p>Ngoài ra, tại các cuộc họp khảo sát, lấy ý kiến tại 05 đơn vị cấp huyện và cuộc họp ở cấp tỉnh (có đủ 17 huyện, thị xã, thành phố cùng Sở ngành, ban ngành có liên quan) đều thông nhất với dự thảo sau khi thảo luận, nghe báo cáo giải trình của Sở Nội vụ.</p>		

1	Thị trấn Chư Sê	48	48		36	36		851.088	851.088	
2	Xã Ia Tiêm	24	24		15	15		398.040	398.040	
3	Xã Dun	16	16		10	10		265.360	265.360	
4	Xã Bờ Ngoong	16	16		10	10		265.360	265.360	
5	Xã Hbông	40	40		35	35		663.400	663.400	
6	Xã Ia Hlốp	24	24		15	15		398.040	398.040	
7	Xã Bar Măih	40	40		25	25		663.400	663.400	
8	Xã Ia Pal	32	32		20	20		530.720	530.720	
9	Xã Al Bă	32	32		20	20		530.720	530.720	
10	Xã Ia Glai	8	8		5	5		132.680	132.680	
11	Xã Ia Blang	48	32	16	30	20	10	635.760	370.400	265.360
12	Xã Chư Pong	16	16		10	10		265.360	265.360	
13	Xã Ayun	64	64		40	40		1.061.440	1.061.440	
14	Xã Kông Htok	48	48		30	30		796.080	796.080	
	Tổng	456	440	16	301	291	10	7.457.448	7.192.088	265.360
VI	HUYỆN IA GRAI									
1	Xã Ia Khai	3	3		5	5		107.760	107.760	
2	Xã Ia Tô	22	11	11	10	5	5	205.200	102.600	102.600
3	Xã Ia Sao	30	30		15	15		310.789	310.789	
4	Xã Ia Péch	13		13	5		5	133.800		133.800
5	Xã Ia Bă	30	30		17	17		324.277	324.277	
6	Xã Ia Yok	49	49		20	20		287.220	287.220	
7	Xã Ia Hrugng	40	40		25	25		660.324	660.324	
	Tổng	187	163	24	97	87	10	2.029.370	1.792.970	236.400
VII	HUYỆN KÔNG CHRO									
1	Thị trấn Kông Chro	36		36	30		30	615.841		615.841
2	Xã Kông Yang	26	26		15	15		361.514	361.514	
3	Xã An Trung	15	15		15	15		261.751	261.751	
4	Xã Chợ Long	18	18		15	15		297.634	297.634	
5	Xã Ya Ma	8		8	5		5	112.373		112.373
6	Xã Yang Nam	37	37		35	35		684.077	684.077	
7	Xã Đăk Tô Pang	21	21		15	15		333.216	333.216	
8	Xã Đăk Kơ Ning	22		22	15		15	339.115		339.115
9	Xã Đăk Pơ Pho	10	10		10	10		184.064	184.064	
10	Xã Chư Krey	8	8		5	5		112.373	112.373	
11	Xã Sró	15	15		15	15		269.082	269.082	
12	Xã Đăk Pling	7	7		5	5		103.382	103.382	
13	Xã Đăk Song	10	10		10	10		184.064	184.064	
	Tổng	233	167	66	190	140	50	3.858.486	2.791.157	1.067.329
VIII	HUYỆN PHÚ THIỆN				0					
1	Thị trấn Phú Thiện	54	18	36	30	10	20	726.360	300.360	426.000
2	Xã Ayun Hạ	31	8	23	20	5	15	344.334	110.244	234.090
3	Xã Ia Ake	26	8	18	17	5	12	356.160	103.800	252.360
4	Xã Ia Sol	50	16	34	35	10	25	726.000	197.400	528.600
5	Xã Ia Piar	61	27	34	35	15	20	804.195	296.295	507.900
6	Xã Ia Yeng	24	8	16	15	5	10	331.200	110.400	220.800
7	Xã Ia Peng	40	16	24	25	10	15	550.362	219.162	331.200
8	Xã Ia Hiao	41	16	25	30	10	20	727.965	198.765	529.200
9	Xã Chư A Thai	18		18	10		10	199.440		199.440
10	Xã Chrôh Ponan	29	8	21	20	5	15	410.547	101.547	309.000
	Tổng	374	125	249	237	75	162	5.176.563	1.637.973	3.538.590
IX	HUYỆN ĐỨC CƠ									
1	Thị trấn Chư Ty	22	22		10	10		296.868	296.868	
2	Xã Ia Nan	16	16		5	5		103.365	103.365	
3	Xã Ia Dok	31	31		15	15		409.812	409.812	
4	Xã Ia Lang	12	12		5	5		117.468	117.468	
5	Xã Ia Krêl	22	22		10	10		309.316	309.316	
6	Xã Ia Kla	30	30		20	20		919.464	919.464	
7	Xã Ia Kriêng	20	20		10	10		268.008	268.008	
8	Xã Ia Din	36	36		16	16		371.529	371.529	
9	Xã Ia Dom	14	14		5	5		163.020	163.020	
	Tổng	203	203	0	96	96	0	2.958.850	2.958.850	0
X	HUYỆN CHƯ P'UH									
1	Thị trấn Nhơn Hòa	14	14		10	10		206.544	206.544	
2	Xã Ia Phang	20	20		15	15		354.450	354.450	
3	Xã Ia Hnú	6	6		5	5		92.940	92.940	

4	Xã Ia Le	19	19		12	12		305.328	305.328	
	Tổng	59	59	0	42	42	0	959.262	959.262	0
XI	HUYỆN CHƯ RÁH									
1	Thị trấn Ia Ly	18	18		15	15		211.140	211.140	
2	Thị trấn Phú Hòa	12	12		10	10		148.160	148.160	
3	Xã Ia Nhâm	16	16		15	15		197.096	197.096	
4	Xã Nghĩa Hòa	11	11		10	10		134.392	134.392	
5	Xã Nghĩa Hưng	17	17		15	15		204.088	204.088	
6	Xã Chư Đăng Ya	4	4		5	5		59.116	59.116	
	Tổng	78	78	0	70	70	0	953.992	953.992	0
XII	HUYỆN KRÔNG PA									
1	Thị trấn Phú Túc	35	35		25	25		556.156	556.156	
2	Xã Phú Cán	18	18		10	10		237.866	237.866	
3	Xã Chư Gu	63	63		40	40		901.496	901.496	
4	Xã Chư Rcăm	24	24		15	15		243.296	243.296	
5	Xã Ia Rsuom	26	26		15	15		356.606	356.606	
6	Xã Uar	8		8	5		5	112.681		112.681
7	Xã Ia Rmok	46	46		25	25		604.566	604.566	
8	Xã Chư Ngọc	20	10	10	10	5	5	247.120	123.560	123.560
9	Xã Ia Rсай	28	28		20	20		421.876	421.876	
10	Xã Chư Drăng	51	51		30	30		696.467	696.467	
11	Xã Ia Dreh	34	34		20	20		470.296	470.296	
12	Xã Krông Năng	23	23		15	15		331.791	331.791	
13	Xã Ia Mláh	33	25	8	20	15	5	460.825	348.143	112.682
14	Xã Đát Bằng	46	46		25	25		615.460	615.460	
	Tổng	455	429	26	275	260	15	6.256.502	5.907.579	348.923
XIII	HUYỆN ĐAK PƠ									
1	Thị trấn Đak Pơ	12	12		5	5		118.752	118.752	
2	Xã Hà Tam	18	9	9	10	5	5	257.497	124.224	133.273
3	Xã Tân An	33	33		15	15		330.247	330.247	
4	Xã Cư An	48	48		20	20		668.800	668.800	
5	Xã Phú An	12	12		5	5		128.474	128.474	
6	Xã Yang Bắc	84	60	24	35	25	10	875.595	625.425	250.170
7	Xã Ya Hội	54	36	18	30	20	10	562.950	375.300	187.650
	Tổng	261	210	51	120	95	25	2.942.315	2.371.222	571.093
XIV	HUYỆN ĐAK ĐOÀ									
1	Thị trấn Đak Đoa	49	49		33	33		710.003	710.003	
2	Xã KĐang	14		14	10		10	218.840		218.840
3	Xã Ia Bằng	6		6	5		5	91.198		91.198
4	Xã ADok	35	21	14	22	12	10	840.318	544.726	295.592
5	Xã Nam Yang	7	7		5	5		110.088	110.088	
6	Xã Kon Yang	20	13	7	15	10	5	324.260	215.694	108.566
7	Xã Ia Pét	12		12	10		10	185.708		185.708
8	Xã Hà Bàu	35	21	14	20	12	8	520.224	312.134	208.090
9	Xã Trang	39		39	30		30	597.534		597.534
10	Xã Đak Krong	22	7	15	15	5	10	329.766	107.763	222.003
11	Xã Glar	6		6	4		4	92.553		92.553
12	Xã Hải Yang	6		6	5		5	107.896		107.896
13	Xã HNol	14	7	7	10	5	5	214.022	107.011	107.011
14	Xã Đak Somei	35	35		23	23		520.143	520.143	
15	Xã HNeng	7		7	5		5	111.679		111.679
	Tổng	307	160	147	212	105	107	4.974.232	2.627.562	2.346.670
XV	HUYỆN CHƯ PRÔNG									
1	Thị trấn Chư Prông	8		8	5		5	41.368		41.368
2	Xã Ia Me	8		8	5		5	41.368		41.368
3	Xã Ia Bang	16	16		10	10		103.571	103.571	
4	Xã Ia Ga	8	8		5	5		41.152	41.152	
5	Xã Ia Drang	8	8		5	5		41.368	41.368	
6	Xã Ia Pior	32		32	20		20	452.251		452.251
7	Xã Ia O	8		8	5		5	41.368		41.368
8	Xã Ia Lâu	24	24		15	15		170.972	170.972	
9	Xã Ia Phin	16	16		10	10		103.571	103.571	
10	Xã Ia Boòng	16	8	8	10	5	5	82.736	41.368	41.368
11	Xã Ia Bằng	24	24		15	15		170.972	170.972	
12	Xã Ia Tôr	24	16	8	15	10	5	144.939	103.571	41.368
13	Xã Ia Pia	64		64	40		40	544.455		544.455

	Tổng	256	120	136	160	75	85	1.980.091	776.545	1.203.546
XVI	HUYỆN MANG YANG									
1	Thị trấn Kon Dong	84	84		49	49		743.761	743.761	
2	Xã H'ra	36	36		21	21		318.754	318.754	
3	Xã Đak Jơ Ta	12	12		7	7		106.251	106.251	
4	Xã Đak Yă	12	12		7	7		106.251	106.251	
5	Xã Đak Djrăng	12	12		7	7		106.251	106.251	
6	Xã Kon Thup	12	12		7	7		106.251	106.251	
7	Xã Kon Chiêng	12	12		7	7		106.251	106.251	
8	Xã Ayun	60	60		35	35		531.258	531.258	
9	Xã Lơ Pang	12	12		7	7		106.251	106.251	
10	Xã Đê Ar	36	36		21	21		318.754	318.754	
11	Xã Đak Trôi	60	60		35	35		531.258	531.258	
	Tổng	348	348	0	203	203	0	3.081.291	3.081.291	0
XVII	HUYỆN IA PA									
1	Xã Kim Tân	16	16		9	9		184.920	184.920	
2	Xã Ia Mron	9	9		9	9		117.750	117.750	
3	Xã Ia Trok	7	7		5	5		104.886	104.886	
4	Xã Chư Mô	16	16		18	18		359.437	359.437	
5	Xã Ia Kdăm	13	13		12	12		193.000	193.000	
6	Xã Bờ Tó	31	31		26	26		470.883	470.883	
7	Xã Ia Broãi	12	12		9	9		166.140	166.140	
8	Xã Ia Tul	24	24		15	15		362.628	362.628	
9	Xã Chư Răng	15	15		10	10		110.654	110.654	
	Tổng	143	143	0	113	113	0	2.070.298	2.070.298	0
	Tổng cộng	4.639	3.911	728	3.089	2.620	469	64.801.703	55.134.092	9.667.611



BIỂU 2
BẢNG TỔNG HỢP
KINH PHÍ ƯỚC TÍNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

STT	Chức danh được hưởng chính sách hỗ trợ	Số lượng người hỗ trợ	Hệ số phụ cấp, hỗ trợ hàng tháng để tính chính sách hỗ trợ	Mức hỗ trợ ước tính cho 01 người tại mỗi chức danh (ĐVT: đồng)	Tổng kinh phí ước tính thực hiện chính sách hỗ trợ (ĐVT: đồng)
1	2	3	4	5	6
1	Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố	584	0,75	4.470.000	2.610.480.000
2	Phó Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố	584	0,50	2.980.000	1.740.320.000
3	Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố	584	0,75	4.470.000	2.610.480.000
4	Phó trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố	584	0,50	2.980.000	1.740.320.000
5	Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn (ở nơi có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố)	66	0,75	4.470.000	295.020.000
6	Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn (ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố)	518	0,50	2.980.000	1.543.640.000
7	Công an viên	518	0,75	4.470.000	2.315.460.000
Tổng cộng		3.438			12.855.720.000

Số:..... /2019/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách
và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố dôi dư do
sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng, buôn, bôn, ploi, plei,... (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khối phố, khu phố,... (gọi chung là tổ dân phố) và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố có liên quan, gồm: Phó bí thư Chi bộ; Phó trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận ở nơi không có tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ (sau đây gọi là người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố) dôi dư do thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố do thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố do thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai từ năm 2018 trở về sau thì được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và các chức danh người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố từ đủ 12 tháng trở lên; trường hợp thời gian giữ các chức danh không liên tục thì được cộng dồn.

b) Thôi việc do sắp xếp thôn, tổ dân phố và không được tiếp tục sắp xếp, bố trí giữ các chức danh khác được hưởng chế độ, chính sách hằng tháng từ ngân sách nhà nước.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố do thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố được hưởng chính sách hỗ trợ như sau:

STT	Thời gian công tác	Mức hỗ trợ (Tính theo mức phụ cấp hằng tháng hoặc theo mức hỗ trợ hằng tháng)
1	Từ đủ 12 tháng đến dưới 30 tháng	01 tháng
2	Đủ 30 tháng	02 tháng
3	Từ trên 30 tháng đến đủ 36 tháng	2,5 tháng
4	Từ trên 36 tháng đến đủ 42 tháng	03 tháng
5	Từ trên 42 tháng đến đủ 48 tháng	3,5 tháng
6	Từ trên 48 tháng đến đủ 54 tháng	04 tháng
7	Từ trên 54 tháng trở lên	04 tháng (mức tối đa)

3. Mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này được tính theo mức phụ cấp hằng tháng đang được hưởng trước khi thôi việc đối với người hoạt động không

chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; tính theo mức hỗ trợ hằng tháng đang được hưởng trước khi thôi việc đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố.

4. Tại thời điểm thôi việc, trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh khác được hưởng chế độ, chính sách hằng tháng từ ngân sách nhà nước thì chỉ tính mức hỗ trợ của 01 chức danh có mức phụ cấp hằng tháng, mức hỗ trợ hằng tháng cao nhất.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách tiết kiệm do sắp xếp thôn, tổ dân phố.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XI, kỳ họp thứ thông qua ngày....tháng.....năm 2019 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng Công báo tỉnh);
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng HĐND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND (3b).

CHỦ TỊCH